

# SỐ TỪ VÀ LƯỢNG TỪ

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được ý nghĩa và công dụng của số từ và lượng từ ;
- Biết dùng số từ và lượng từ trong khi nói, viết.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Cần lưu ý : Số từ là những từ chỉ ý nghĩa số lượng và thứ tự của sự vật, trong khi đó lượng từ là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật. Có thể nêu ra một vài ví dụ về số từ và lượng từ để minh hoạ rõ thêm cho điều này :

a) Số từ. Ví dụ :

- Chỉ số lượng hay số đếm : *một, ba, năm, sáu, bảy, mười, hai mươi, ...*
- Chỉ thứ tự : *nhất, nhì, ba, tư, ...*

Khi đi cùng với danh từ, số từ số lượng đứng trước danh từ, số từ thứ tự đứng sau danh từ.

b) Lượng từ. Ví dụ :

*những, các, cả, toàn bộ, mấy, mọi, tất cả, ...*

2. Số từ và lượng từ có tác dụng quan trọng về mặt ngữ pháp. Khả năng kết hợp với số từ và lượng từ ở phía trước là đặc điểm ngữ pháp tiêu biểu của danh từ. Chính khả năng kết hợp này của danh từ là một trong những tiêu chí quan trọng để phân biệt danh từ với các từ loại khác. Ví dụ :

– *sáu tuần*

– *cả tuần*

– *tuần thứ hai*

– *giải nhất*

Trong khi đó động từ hay tính từ không thể nói hoặc viết được như vậy :

– *năm chạy*

– *ba đẹp*

– *hai xinh xắn*

– *những vàng hoe*

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Nhận diện và phân biệt số từ với danh từ.

GV cho HS đọc câu hỏi và hai ví dụ trong SGK rồi sau đó trả lời.

HS cần nêu được những ý sau :

– Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa số lượng cho danh từ : **hai chàng, một trăm ván cơm nếp, một trăm nếp bánh chưng, chín gà, chín cựa, chín hồng mao, một đôi.**

– Từ **đôi** trong **một đôi** không phải là số từ vì nó mang ý nghĩa đơn vị và đứng ở vị trí của danh từ chỉ đơn vị. **Một đôi** cũng không phải số từ ghép như **một trăm, một nghìn** vì sau **một đôi** không thể sử dụng danh từ chỉ đơn vị, còn sau **một trăm, một nghìn** vẫn có thể có danh từ chỉ đơn vị. So sánh :

+ Có thể nói : *một trăm con trâu.*

+ Không thể nói : *một đôi con trâu* (chỉ nói : *một đôi trâu*).

- Một số từ có ý nghĩa khái quát và công dụng như *đôi* : *cặp, tá, chục, ...*
- Từ sự phân tích trên, HS có thể nêu ra nhận xét : Số từ đứng trước danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ.

**Hoạt động 2.** Nhận diện và phân biệt số từ với lượng từ.

GV cho HS đọc câu hỏi và ví dụ trong SGK rồi sau đó trả lời.

HS cần nêu được những nội dung sau :

- Các từ in đậm trong câu giống với số từ : đứng trước danh từ.
- Các từ in đậm trong câu khác với số từ :
  - + *Số từ* : chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.
  - + *Lượng từ* : chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.

**Hoạt động 3.** Phân loại lượng từ.

Mô hình của các cụm danh từ có lượng từ như sau :

| Phần trước |                | Phần trung tâm |                                      | Phần sau         |    |
|------------|----------------|----------------|--------------------------------------|------------------|----|
| t2         | t1             | T1             | T2                                   | s1               | s2 |
|            | <i>các</i>     |                | <i>hoàng tử</i>                      |                  |    |
|            | <i>những</i>   | <i>kẻ</i>      |                                      | <i>thua trận</i> |    |
| <i>cả</i>  | <i>máy vạn</i> |                | <i>tướng lĩnh,</i><br><i>quân sĩ</i> |                  |    |

- Lượng từ chỉ ý nghĩa toàn thể : *cả, tất cả, tất thảy, ...*
- Lượng từ chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối : *các, những, mọi, mỗi, từng, ...*

**Hoạt động 4.** Ghi nhớ và luyện tập.

- GV cho HS đọc lại phần *Ghi nhớ* trong SGK.
- HS luyện tập dựa theo các bài tập đã có trong sách hoặc GV có thể tự ra bài tập để các em làm.

## IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

### Bài tập 1

Số từ có trong bài :

- *một canh, hai canh, ba canh, năm cánh* : số từ chỉ số lượng ;
- *canh bốn, canh năm* : số từ chỉ thứ tự.

### Bài tập 2

Các từ in đậm trong bài : **trăm núi, ngàn khe, muôn nãi tái tê** đều được dùng để chỉ số lượng "nhiều", "rất nhiều".

### Bài tập 3

Điểm giống và khác nhau của *từng* – *mỗi* là ở chỗ :

- Giống nhau : tách ra từng sự vật, từng cá thể.
- Khác nhau :
  - + **từng** : mang ý nghĩa lần lượt theo trình tự, hết cá thể này đến cá thể khác.
  - + **mỗi** : mang ý nghĩa nhấn mạnh, tách riêng từng cá thể, không mang ý nghĩa lần lượt.

### Bài tập 4

Chính tả.

Viết đúng các chữ **l / n** và các vần – **ay**, – **ai**.